

**TÒA ÁN ND HUYỆN NGÀ SƠN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/DS - ST
Ngày: 02-4-2021
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÀ SƠN, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Trung Thu.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Bình; ông Nguyễn Văn Quân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 02/4/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 32/2020/TLST - DS ngày 28/10/2020 về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST - DS ngày 22/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 16/3/2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Lã Thị Tr - Sinh năm: 1940 - Địa chỉ: Thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức Nh - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: Thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm 1965 - Vắng mặt;

2/ Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1971 - Có mặt;

3/ Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1980 - Vắng mặt;

Đều cùng địa chỉ: Thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

4/ Chị Nguyễn Thị C - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: Thôn Ngũ Kiên, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

5/ Chị Nguyễn Thị S - Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Thôn 8, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị M, chị H, chị C, chị S: Chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1971 - Địa chỉ: Thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (theo giấy ủy quyền ngày 09/11/2020) - Có mặt.

6/ Chị Nguyễn Thị H - Sinh năm 1972 - Địa chỉ: Thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa - Vắng mặt.

7/ Ủy ban nhân dân xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Người đại diện theo pháp luật theo pháp luật: Ông Mai Xuân H - Chủ tịch UBND xã Th - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Văn H - Phó Chủ tịch UBND xã Th (theo giấy ủy quyền 22/01/2021) - Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

8/ Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ: Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn D - Chủ tịch UBND huyện Nga Sơn - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lã Thị Tr trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức H (chết năm 2001) sinh được 06 người con gồm: Chị Nguyễn Thị M - Sinh năm: 1965; anh Nguyễn Đức Nh - Sinh năm: 1968; chị Nguyễn Thị Đ - Sinh năm 1971; chị Nguyễn Thị C - Sinh năm: 1974; chị Nguyễn Thị S - Sinh năm: 1978 và chị Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1980. Vợ chồng bà có tài sản chung là quyền sử dụng đất ở 333m² tại thửa số 85, tờ bản đồ số 05 BĐ 299TTg tại thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Ông H chết ngày 16/7/2001. Năm 2007, xã lập hồ sơ để cấp GCN QSD đất cho bà. Ngày 21/12/2007, UBND huyện Nga Sơn cấp GCN QSD đất số AP 446913. Năm 2016, vợ chồng con trai bà là anh Nguyễn Đức Nh, chị Nguyễn Thị H nói mượn GCN QSD đất của bà với mục đích để xem và làm thành 02 sổ. Sau đó vợ chồng anh Nh tự ý làm hồ sơ chuyển QSD đất từ tên bà sang tên vợ chồng anh Nh. Ngày 18/5/2020, bà đã nộp đơn đến TAND tỉnh Thanh Hóa yêu cầu hủy GCN QSD đất đã cấp cho vợ chồng anh Nh, chị H. Ngày 22/9/2020, TAND tỉnh đã xét xử và quyết định hủy GCN QSD đất số CB 661205 do UBND huyện cấp ngày 02/02/2016 cho anh Nguyễn Đức Nh và chị Nguyễn Thị H (tại bản án số 73/2020/HCST ngày 22/9/2020). Trên diện tích đất 333m² có những tài sản sau: 01 nhà cấp 4 hai gian, xây dựng năm 2018 (bà là người bỏ tiền xây dựng, hiện nay bà đang quản lý sử dụng); 01 nhà mái bằng kiên cố và công trình phụ, xây dựng năm 2001 (vợ chồng anh Nh và chị H là người bỏ tiền ra xây dựng, hiện gia đình anh Nh đang quản lý, sử dụng). Nay bà yêu cầu Tòa án chia thừa kế là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Đức H để lại là quyền sử dụng đất 333m² để bà được hưởng phần di sản theo quy định của pháp luật, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản trên đất.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Đức Nh trình bày: Về họ tên bố mẹ anh, năm sinh và ngày chết của bố anh và ông bà sinh được 06 người con như mẹ anh là bà Lã Thị Tr trình bày là đúng. Khi chết bố anh có để lại tài sản là quyền sử dụng đất diện tích đất ở là 333m², bố anh chết không để lại di chúc cho ai. Sau khi bố anh chết mẹ

anh tự làm sổ đỏ mang tên mẹ anh. Năm 2016, anh cần vay vốn Ngân hàng nên có làm lại sổ đỏ và được UBND huyện Nga Sơn cấp số CB 661205 ngày 02/02/2016 đứng tên vợ chồng anh. Tháng 5/2020, mẹ anh làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy GCN QSD đất đã cấp cho vợ chồng anh và đến ngày 22/9/2020, TAND tỉnh đã xét xử và quyết định hủy GCN QSD đất số CB 661205 do UBND huyện cấp ngày 02/02/2016 của vợ chồng anh. Trên diện tích đất 333m² có những tài sản sau: 01 nhà cấp 4 hai gian diện tích 30m², 01 gian bếp 5m², xây dựng năm 2017 (anh là người bỏ tiền xây dựng, hiện nay mẹ anh đang quản lý sử dụng); 01 nhà mái bằng kiên cố diện tích 70m² và công trình phụ, xây dựng năm 2000 (vợ chồng anh là người bỏ tiền ra xây dựng, hiện gia đình anh đang quản lý, sử dụng). Nay mẹ anh khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất ở 333m², quan điểm của anh là đất này là của cha ông để lại, mẹ anh về đó ở không có gì ở đó nên anh đề nghị trả lại nguyên vẹn diện tích đất này cho bố anh đứng tên vì khi bố anh chết không viết di chúc để lại cho ai hết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị là vợ của anh Nguyễn Đức Nh. Bố mẹ chồng chị là ông Nguyễn Đức H chết năm 2001 và mẹ chồng chị là bà Lã Thị Tr. Chị và anh Nh cưới nhau năm 1990 và sau khi cưới có về ở chung với bố mẹ chồng 03 năm rồi sau đó tách ra ở riêng. Trong khi ở chung và sau này bố chồng chị chết (ông H), vợ chồng chị có công chăm sóc và lo tang ma cho bố chồng. Khi chị lấy ông H về vợ chồng chị ở cùng với bố mẹ chồng trên diện tích đất 333m². Trên diện tích đất đó có những tài sản sau: 01 nhà cấp 4 hai gian diện tích 30m², 01 gian bếp 5m², xây dựng năm 2017 (vợ chồng chị là người bỏ tiền xây dựng hiện nay mẹ chị đang quản lý sử dụng); 01 nhà mái bằng kiên cố diện tích 70m² và công trình phụ, xây dựng năm 2000 (vợ chồng chị là người bỏ tiền ra xây dựng, hiện gia đình chị đang quản lý, sử dụng). Nay mẹ chồng chị (bà Tr) yêu cầu chia thừa kế, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và có xem xét đến công sức đóng góp của vợ chồng chị.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị C và chị Nguyễn Thị S đều chung quan điểm: Về họ tên bố mẹ, ngày chết của bố như lời khai của mẹ các chị (bà Tr) là đúng. Bố mẹ chị có tài sản chung là diện tích đất ở 333m² tại thửa số 85, tờ bản đồ số 05 BĐ 299TTg tại thôn Tri Thiện 2, xã Th, huyện N, khi bố các chị (ông H) chết không để lại di chúc phần của bố các chị, nên nay các chị đề nghị được nhận phần của các chị được hưởng theo quy định của pháp luật và nhượng lại cho mẹ chị là bà Lã Thị Tr.

Ý kiến của UBND xã Th: Đối với thửa đất đang tranh chấp là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 05 BĐ 299TTg diện tích 333m², tại sổ mục kê ruộng đất mang tên Nguyễn Văn Hân. Thửa đất được hình thành trước năm 1980, nay là thửa 169, tờ bản đồ số 30 BĐ ĐC 2010 xã Th diện tích 488m². Diện tích tăng 155m² là do sai số trong đo đạc.

* Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 20/01/2021:

+ Về đất: Theo sổ mục kê và bản đồ 299TTg diện tích 333m²; diện tích đo thực tế là 488m², theo giá thị trường: 600.000đ/m²: Diện tích theo sổ mục kê và bản đồ 299TTg: 333m² x 600.000đ/m² = 199.800.000đ (một trăm chín mươi chín

triệu tám trăm nghìn đồng). Diện tích đo thực tế: $488\text{m}^2 \times 600.000\text{đ}/\text{m}^2 = 292.800.000\text{đ}$ (hai trăm chín mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng).

+ Tài sản gắn liền trên đất: 01 nhà mái bằng (do vợ chồng anh Nh và chị H xây dựng), xây dựng năm 2000, diện tích 50m^2 : Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn giá trị sử dụng là 30.000.000đ; 01 nhà mái ngói (do bà Tr xây dựng), xây dựng năm 2016, diện tích $24,75\text{m}^2$: Giá trị còn lại là 15.000.000đ; 01 nhà bán bình (giữa nhà mái bằng do vợ chồng anh Nh và chị H với nhà mái ngói do bà Tr), lợp mái brôximăng, diện tích $67,65\text{m}^2$, do vợ chồng anh Nh, chị H làm. Ngoài ra, có các công trình phụ nằm trong bán bình do anh Nh và chị H xây dựng: Không còn giá trị định giá nhưng vẫn còn giá trị sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị M, chị Đ, chị H, chị C và chị S chấp hành các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H chưa chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Lã Thị Tr. Chia phần di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng đất ở có diện tích 244m^2 chia đều cho các đồng thừa kế. Để đảm bảo công sức quản lý, tôn tạo di sản thừa kế, nhu cầu về đất ở cho vợ chồng anh Nh (anh Nh đã xây dựng nhà và công trình phụ trên diện tích đất 86m^2) thì giao cho anh Nh diện tích đất tương ứng với vị trí và công trình phụ, đồng thời anh Nh phải thanh toán tiền chênh lệch cho bà Lã Thị Tr đối với diện tích đất ngoài kỷ phần được nhận. Về án phí: Bà Lã Thị Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Nh phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đây là vụ án dân sự “tranh chấp về thừa kế tài sản” theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Nga Sơn.

Ngày 16/3/2021, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H và UBND huyện N vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 BLTTDS, HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về thời điểm mở thừa kế: Ông Nguyễn Đức H chết ngày 16/7/2001, do đó thời điểm mở thừa kế tài sản của ông H là ngày 16/7/2001.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 27/10/2020, nguyên đơn bà Lã Thị Tr có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là tài sản chung của bà và ông Nguyễn Đức H để lại là quyền sử dụng đất 333m² để bà được hưởng phần di sản theo quy định của pháp luật, do đó căn cứ vào Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì vẫn còn thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế.

[4] Về di sản thừa kế:

+ Về đất: Theo xác nhận của UBND xã Th xác định nguồn gốc diện tích 333m² đất ở là thửa đất số 85, tờ bản đồ số 05 BD 299TTg tại sổ mục kê ruộng đất mang tên Nguyễn Văn Hãn, thửa đất được hình thành trước năm 1980, nay là thửa 169, tờ bản đồ số 30, BD ĐC 2010 xã Th. Bà Lã Thị Tr kết hôn với ông Nguyễn Văn Hãn từ năm 1960, nên diện tích đất này được xác định là tài sản chung của bà Tr, ông H (mỗi người 166,5m²). Bà Tr, chị M, chị Đ, chị H, chị C và chị S đều thừa nhận đây là tài sản chung của bà Tr và ông H, ông H chết không để lại di chúc nên xác định phần di sản của ông H để lại là diện tích đất 166,5m² để chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Nh và chị H cho rằng đất này là của cha ông để lại, mẹ anh (bà Tr) về đó ở không có gì ở đó nên anh đề nghị trả lại nguyên vẹn diện tích đất này cho bố anh (ông H) đứng tên vì khi bố anh chết không viết di chúc để lại cho ai hết.

+ Về tài sản trên đất: 01 nhà cấp 4 hai gian, xây dựng năm 2018 do bà Lã Thị Tr là người bỏ tiền xây dựng, hiện nay bà Tr đang quản lý sử dụng; 01 nhà mái bằng kiên cố và công trình phụ, xây dựng năm 2001, vợ chồng anh Nguyễn Đức Nh và chị Nguyễn Thị H là người bỏ tiền ra xây dựng, hiện gia đình anh Nh đang quản lý, sử dụng; bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về diện tích đất dư thừa: Theo Sổ mục kê và bản đồ địa chính xã Th là 333m² nhưng thực tế tăng thêm 155m². Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận và yêu cầu chia tổng diện tích đất là 333m². HĐXX thấy, trong sổ mục kê và bản đồ 299TTg chỉ ghi nhận diện tích đất là 333m², còn diện tích tăng thêm 155m² chưa xác định rõ nguồn gốc nên diện tích đất này không thể chia đều cho các kỹ phần mà chỉ tạm giao cho những người ở trên mảnh đất đó sử dụng. Vì vậy, nghĩ nên tạm giao cho vợ chồng anh Nh và bà Tr là phù hợp vì lâu nay vợ chồng anh Nh và bà Tr là người trực tiếp quản lý và sử dụng.

[6] Về diện và hàng thừa kế: Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự đều thống nhất: Ông Nguyễn Đức H và bà Lã Thị Tr sinh được 06 người con là chị Nguyễn Thị M; anh Nguyễn Đức Nh; chị Nguyễn Thị Đ; chị Nguyễn Thị C; chị Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị H. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 651 BLDS thì hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Tr, chị M, anh Nh, chị Đ, chị C, chị S và chị H.

[7] Về vị trí đất: Diện tích đất đo thực tế là 488m²: Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Đức T dài 24,7m; phía Tây giáp đường làng dài 25m; phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Văn H dài 21,2m; phía Bắc giáp ngõ xóm dài 18,1m.

[8] Về giá trị đất: Theo giá thị trường giá trị 600.000đ/m²: Diện tích 333m² x 600.000đ/m² = 199.800.000đ (một trăm chín mươi chín triệu tám trăm nghìn đồng).

[9] Phân chia di sản theo pháp luật: Phần diện tích đất di sản của ông Mai Đức Hân là $166,5\text{m}^2$ giá trị bằng 99.900.000đ được chia thành 7 kỷ phần bằng nhau sau khi đã trích một phần công duy trì, bảo quản và tôn tạo cho vợ chồng anh Nh và chị H.

[10] Xét yêu cầu của đương sự:

* Đối với yêu cầu của bà Lã Thị Tr, chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị H: Bà Tr là vợ của ông Nguyễn Đức H, nay ông H chết, bà Tr và các con của bà yêu cầu chia di sản thừa kế của ông H để lại theo pháp luật là có căn cứ chấp nhận. Phần di sản của các chị M, chị Đ, chị C, chị S và chị H được hưởng các chị nhượng lại cho bà Tr, xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các chị cần chấp nhận.

* Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Đức Nh và chị Nguyễn Thị H (vợ anh Nh) không đồng ý chia vì cho rằng toàn bộ diện tích đất này là của cha ông để lại, mẹ anh về đó ở không có gì ở đó nên anh đề nghị trả lại nguyên vẹn diện tích đất này cho bố anh đứng tên vì khi bố anh chết không viết di chúc để lại cho ai hết. Xét thấy yêu cầu này của anh Nh và chị H là không có căn cứ vì theo ý kiến của UBND xã Th xác định nguồn gốc đất hình thành trước năm 1980, bà Tr kết hôn với ông H từ năm 1960, trước thời điểm hình thành nguồn gốc đất, anh Nh không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì khác, nên có thể khẳng định toàn bộ diện tích đất này là tài sản chung của ông H và bà Tr.

[11] Về phương thức chia như sau:

Vợ chồng anh Nh và chị H ở trên đất đó từ khi ông H chết cho đến nay, vợ chồng anh Nh có công tôn tạo và hàng năm đóng thuế sử dụng đất cho nhà nước nên cần trích 1 phần công sức duy trì, bảo quản cho vợ chồng anh Nh tương ứng với diện tích đất $12,5\text{m}^2$. Diện tích đất còn lại là 154m^2 được chia đều cho 7 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần là 22m^2 giá trị bằng 13.200.000đ.

Đối với phần diện tích đất mà chị Nguyễn Thị M, chị Nguyễn Thị Đ, chị Nguyễn Thị C, chị Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thị H được nhận, các chị tự nguyện nhượng kỷ phần của mình cho bà Lã Thị Tr nên giao lại kỷ phần của các chị cho bà Tr là phù hợp.

Như vậy, phần bà Tr được hưởng là diện tích $298,5\text{m}^2$ đất (gồm 6 kỷ phần bằng 132m^2 và một nửa là $166,5\text{m}^2$); phần anh Nh được hưởng là diện tích $34,5\text{m}^2$ đất (gồm 1 kỷ phần là 22m^2 và phần công sức duy trì, bảo quản là $12,5\text{m}^2$).

HĐXX xét thấy, trên diện tích đất 488m^2 , phần phía Tây của thửa đất vợ chồng anh Nh và chị H đã xây dựng nhà và các công phụ kiên cố chiếm diện tích đất là $117,45\text{m}^2$; còn phần phía Đông của thửa đất có ngôi nhà của bà Tr nên khi chia cần phải xem xét để tránh phải tháo dỡ các công trình đã xây dựng. Do phần thực tế anh Nh được nhận nhiều hơn phần anh Nh được hưởng ($117,45\text{m}^2 - 34,5\text{m}^2 = 82,95\text{m}^2$) nên anh Nh phải thanh toán tiền chênh lệch cho bà Tr là $82,95\text{m}^2 \times 600.000\text{đ}/\text{m}^2 = 49.770.000\text{đ}$ (bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng).

[12] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản của mình được hưởng; đối với bà Lã Thị Tr thuộc đối tượng

người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tiền án phí, xét thấy đề nghị bà là thực tế và đúng quy định của pháp luật, nên miễn án phí cho bà Tr.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 613; khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 184; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 ; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; điểm b khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị Tr về chia thừa kế tài sản của ông Nguyễn Đức H để lại.

2. Công nhận di sản thừa kế của ông Nguyễn Đức H là giá trị quyền sử dụng đất 166,5m² trong tổng số diện tích đất 333m² tại vị trí thửa đất số 85, tờ bản đồ số 05 BĐ 299TTg nay là thửa 169, tờ bản đồ số 30, BĐ ĐC 2010 xã Th.

3. Cụ thể được phân chia như sau:

- Giao cho anh Nguyễn Đức Nh quyền sử dụng đất 117,4m² giá trị bằng 70.440.000đ (bảy mươi triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) và tạm giao cho anh Nh 110m² diện tích đất thừa. Anh Nh phải trả tiền chênh lệch cho bà Lã Thị Tr là 49.770.000đ (bốn mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng). Vị trí thửa đất: Phía Đông giáp phần đất bà Tr được chia dài 24,7m; phía Tây giáp đường làng dài 25m; phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H dài 10,2m; phía Bắc giáp ngõ xóm dài 8,1m.

- Giao cho bà Lã Thị Tr quyền sử dụng đất 215,6m² giá trị bằng 129.360.000đ (một trăm hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) và tạm giao cho bà Tr 45m² diện tích đất thừa. Vị trí thửa đất: Phía Đông giáp nhà ông Nguyễn Đức T; phía Tây giáp đất anh Nh được chia; phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Văn H; phía Bắc giáp ngõ xóm.

Bà Lã Thị Tr và anh Nguyễn Đức Nh có quyền đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Giao cho Ủy ban nhân dân xã Th và Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử lý diện tích đất thừa 155m² (tại vị trí thửa đất số 85, tờ bản đồ số 05 BĐ 299TTg nay là thửa 169, tờ bản đồ số 30, BĐ ĐC 2010 xã Th) theo thẩm quyền.

4. Về án phí: Bà Lã Thị Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Nguyễn Đức Nh phải chịu 3.522.000đ (ba triệu năm trăm hai mươi hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành án, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Tr, anh Nh, chị M, chị H, chị C, chị S và chị Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ủy ban nhân dân xã Th, Ủy ban nhân dân huyện N, chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THDS.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Trung Thu